

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 93/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17 -9 - 2025

“V/v xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Ân

Ông Trịnh Anh Minh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc “xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 368/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Phan Thị N. Sinh năm:1987 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm B, phường T, tỉnh Cà Mau.

-Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B. Sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm C, phường A, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà N trình bày:

- **Về hôn nhân:** Bà và ông B chung sống với nhau vào năm 2011, đến ngày 11/6/2012 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C (nay là phường A, tỉnh Cà Mau), theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 78/2012, quyền số 02/2012. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, không còn tiếng nói chung, không còn tình cảm với nhau, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau khoảng 02 năm nay, hiện nay cuộc sống ai người đó lo, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà xin được ly hôn với ông B.

- **Về con chung:** Bà và ông B có hai người con chung tên Nguyễn Thuyên K, sinh ngày 15/3/2012 và Nguyễn Kim L sinh ngày 06/01/2023, hiện 02 đang

sống với bà N, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà xác định vợ chồng không có nợ.

Đối với ông Nguyễn Văn B: mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để ông B tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như các phiên tòa xét xử nhưng ông B vẫn vắng mặt không rõ lý do và không gửi văn bản ý kiến về các vấn đề bà N yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị N xin ly hôn với ông Nguyễn Văn B được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa xét xử ông B vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của bà N về việc xin ly hôn với ông B, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau) nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà N trình bày quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi, nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với ông B.

Nhận thấy, mâu thuẫn của ông B và bà N chủ yếu xuất phát từ trong đời sống gia đình hàng ngày nhưng ông bà không thể hàn gắn được. Tại phiên tòa bà N cho rằng hiện tại vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, ông bà đã không còn chung sống khoảng 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai, mỗi người đều có cuộc sống riêng, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn.

Đối với ông B mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông về các vấn đề bà N yêu cầu. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án.

Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân phải xuất phát từ sự thương yêu, chia sẻ, quan tâm nhau, cùng nhau xây dựng thì cuộc sống vợ chồng mới đạt được mục đích. Tuy nhiên, qua lời trình bày của bà N Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N cho bà được ly hôn với ông B.

[3] Về con chung: Bà và ông B có hai người con chung tên Nguyễn Thuyên K, sinh ngày 15/3/2012 và Nguyễn Kim L sinh ngày 06/01/2023, hiện 02 đang sống với bà N, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đối với cháu L còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Đồng thời, tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung thì cháu Thuyên K có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà N và hiện 02 con đều đang sống với bà N. Ông B không có ý kiến gửi Tòa án về vấn đề con chung.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao 02 con chung là Nguyễn Thuyên K, sinh ngày 12/3/2012 và Nguyễn Kim L sinh ngày 06/01/2023 cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà N xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà N xác định không có nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị N cho bà N ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung là Nguyễn Thuyên K, sinh ngày 15/3/2012 và Nguyễn Kim L sinh ngày 06/01/2023 cho bà Phan Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không có nên không có nên không xem xét, giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 17/7/2025 bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0011673 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách nhà nước.

6/ Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ú

